CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM ***HALCOM VIETNAM JOINT STOCK COMPANY***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***Independence - Freedom – Happiness***
Số/ *No.* 40/2026/CV/HAL-BQT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026* *Hanoi, January 30th, 2026*

CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM
Date: 2026.01.30 18:13:34 +07'00'

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: **Ủy ban chứng khoán Nhà nước;**
Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

To: ***The State Securities Commission;***
The Stock Exchange of Ho Chi Minh city.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM
   Name of organization: HALCOM VIETNAM JOINT STOCK COMPANY
   - Mã chứng khoán/ *Stock Symbol*: HID
   - Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
     Address: Floor No.09, Hoa Binh Tower, No.106 Hoang Quoc Viet street, Nghia Do ward, Hanoi city
   - Điện thoại liên hệ/ *Telephone*: 024 3562 4709
   - Email: info@halcom.vn
2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure*: Báo cáo tài chính riêng Quý III năm tài chính 2025 của Công ty CP Halcom Việt Nam – Bản Tiếng Việt / *Separate financial statements for the 3rd quarter of fiscal year 2025 of Halcom Vietnam Joint Stock Company - Vietnamese version*
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/01/2026 tại đường dẫn https://halcom.vn/category/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/
   This information was published on the company's website on 30/01/2026, as in the link https://halcom.vn/category/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/ Attached documents:
Báo cáo tài chính riêng Quý III năm tài chính 2025 – Bản Tiếng Việt/ Separate financial statements for the 3rd quarter of fiscal year 2025 – Vietnamese version

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT/
Party authorized to disclose information



Nguyễn Thu Trang/
Nguyen Thu Trang



CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

QUÝ III NĂM TÀI CHÍNH 2025

Tháng 01 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02 - 03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	04 – 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	07 - 08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	09 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Lâm	Thành viên, miễn nhiệm từ ngày 12/09/2025
Ông Đoàn Năng Liễn	Thành viên, bổ nhiệm từ ngày 12/09/2025

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Tiến Anh	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 21/04/2025, miễn nhiệm từ ngày 01/07/2025
	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2025
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hà Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 09/04/2025, miễn nhiệm từ ngày 05/01/2026

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Thị Xuyến	Trưởng ban
Bà Trần Thị Minh Huệ	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Quyết	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Diệu	Miễn nhiệm từ ngày 15/11/2025
Bà Nông Thanh Ngọc	Bổ nhiệm từ ngày 15/11/2025, miễn nhiệm từ ngày 05/01/2026
Ông Phùng Ngọc Sơn	Bổ nhiệm từ ngày 05/01/2026

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/12/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty trong kỳ, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/12/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)
TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty Tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/12/2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,

Nguyễn Quang Huân
Chủ tịch HĐQT
Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/04/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**153.478.713.921**	**115.745.545.240**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**3.017.829.830**	**4.639.080.179**
Tiền	111		3.017.829.830	4.639.080.179
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**146.313.666.990**	**105.741.245.212**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	9.460.399.020	22.555.850.676
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	77.932.892.956	44.909.043.942
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		19.700.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	39.371.432.665	38.612.734.484
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(151.057.651)	(336.383.890)
Hàng tồn kho	**140**	**9**	**650.598.145**	**3.525.137.737**
Hàng tồn kho	141		650.598.145	3.525.137.737
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**3.496.618.956**	**1.840.082.112**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	567.950.313	572.273.817
Thuế GTGT được khấu trừ	152	15	2.928.668.643	1.267.808.295
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.074.353.387.865**	**867.274.614.345**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**397.401.000**	**364.401.000**
Phải thu dài hạn khác	216	8	397.401.000	364.401.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	**220**		**1.507.975.871**	**1.847.836.868**
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.507.975.871	1.847.836.868
- Nguyên giá	*222*		*6.320.518.961*	*6.320.518.961*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(4.812.543.090)*	*(4.472.682.093)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**214.544.070.726**	**100.128.415.919**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	214.544.070.726	100.128.415.919
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5**	**857.375.903.633**	**764.311.332.933**
Đầu tư vào công ty con	251		829.196.637.547	750.584.357.547
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên	252		-	41.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		87.619.992.656	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(59.440.726.570)	(27.273.024.614)
Tài sản dài hạn khác	**260**		**528.036.635**	**622.627.625**
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	528.036.635	622.627.625
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**1.227.832.101.786**	**983.020.159.585**

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/04/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**397.977.068.020**	**191.048.784.275**
Nợ ngắn hạn	**310**		**156.757.818.681**	**115.657.391.285**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	21.874.637.861	4.271.923.185
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	4.450.592.820	1.565.055.859
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	12.805.038.612	4.744.317.124
Phải trả người lao động	314		1.648.105.050	2.269.455.754
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.804.922.274	780.975.965
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	32.783.832.952	642.830.224
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	79.496.843.131	99.427.082.893
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.893.845.981	1.955.750.281
Nợ dài hạn	**330**		**241.219.249.339**	**75.391.392.990**
Phải trả dài hạn khác	337	15	100.000.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	141.219.249.339	75.391.392.990
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**829.855.033.766**	**791.971.375.310**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**19**	**829.855.033.766**	**791.971.375.310**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		767.650.320.000	767.650.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*767.650.320.000*	*767.650.320.000*
Thặng dư vốn cổ phần	412		536.587.297	536.587.297
Cổ phiếu quỹ	415		(58.859.397)	(58.859.397)
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.040.795.104	2.040.795.104
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		*59.686.190.762*	21.802.532.306
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*21.802.532.306*	*13.668.087.403*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*37.883.658.456*	*8.134.444.903*
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.227.832.101.786**	**983.020.159.585**

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Tô Thị Minh	Phùng Ngọc Sơn	Nguyễn Quang Huân

Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/04/2024 đến 31/12/2024
					VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**21**	**49.141.196.006**	**71.989.740.663**	**279.734.118.075**	**180.460.337.898**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**49.141.196.006**	**71.989.740.663**	**279.734.118.075**	**180.460.337.898**
Giá vốn hàng bán	11	22	45.557.096.648	68.304.909.530	163.969.554.735	155.115.107.415
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	**20**		**3.584.099.358**	**3.684.831.133**	**115.764.563.340**	**25.345.230.483**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	757.210.512	10.557.273.297	876.311.046	1.024.194.332
Chi phí tài chính	22	24	12.085.057.742	1.983.865.978	38.926.188.903	9.702.729.777
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		1.530.042.714	*1.506.745.978*	*5.124.123.346*	*3.909.059.516*
Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		6.198.401.243	4.198.453.823	30.213.781.517	8.275.407.478
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(13.942.149.115)**	**8.059.784.629**	**47.500.903.966**	**8.391.287.560**
Thu nhập khác	31		10.500	331	115.557	331
Chi phí khác	32	25	50.163.266	18.370.876	73.184.962	80.715.978
Lợi nhuận khác	**40**		**(50.152.766)**	**(18.370.545)**	**(73.069.405)**	**(80.715.647)**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**(13.992.301.881)**	**8.041.414.084**	**47.427.834.561**	**8.310.571.913**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	1.366.587.804	9.544.176.105	1.366.587.804
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**(13.992.301.881)**	**6.674.826.280**	**37.883.658.456**	**6.943.984.109**

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Tô Thị Minh	Phùng Ngọc Sơn	Nguyễn Quang Huân

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/12/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**47.427.834.561**	**8.310.571.913**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		339.860.997	346.410.162
Các khoản dự phòng	03		31.982.375.717	4.433.210.928
Lãi hoạt động đầu tư	05		(876.311.046)	(1.027.201.962)
Chi phí lãi vay	06		5.124.123.346	3.909.059.516
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		***83.997.883.575***	***15.972.050.557***
Giảm các khoản phải thu	09		(42.080.955.887)	176.133.024.561
(Tăng) / Giảm hàng tồn kho	10		2.874.539.592	(11.176.376.409)
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		28.956.916.242	(7.962.169.944)
(Tăng) / Giảm chi phí trả trước	12		98.914.494	(839.833.831)
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.975.778.921)	(3.879.033.739)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(61.904.300)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***67.809.614.795***	***168.247.661.195***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(81.592.512.777)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(28.050.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	17.897.069.126
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(331.440.400.000)	(220.424.200.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		293.828.120.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		876.311.046	2.563.028
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		***(118.328.481.731)***	***(230.574.567.846)***

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/12/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		231.061.079.667	218.684.820.925
Tiền trả nợ gốc vay	34		(182.163.463.080)	(155.067.297.138)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***48.897.616.587***	***63.617.523.787***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(1.621.250.349)**	**1.290.617.136**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**4**	**4.639.080.179**	**192.431.713**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**4**	**3.017.829.830**	**1.483.048.849**

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Tô Thị Minh	Phùng Ngọc Sơn	Nguyễn Quang Huân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

Mẫu số B09-DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Phát triển hạ tầng Thăng Long, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101143879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/07/2001. Công ty được chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 ngày 05/11/2025.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Tầng 9, tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Hà Nội.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đến ngày 31/12/2025 là 767.650.320.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi bảy tỷ, sáu trăm năm mươi triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng) chia thành 76.765.032 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là: HID.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 47 người (tại ngày 31/03/2025 là 38 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Thiết kế công trình thủy lợi; Giám sát thi công xây dựng loại công trình: giao thông (cầu, đường bộ), lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công trình thủy lợi; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Tư vấn lập dự án, quy hoạch các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng; Tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật và lập dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng; Tư vấn thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế kết cấu, thiết kế điện đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thiết kế điện đối với công trình cấp thoát nước, vệ sinh môi trường; Tư vấn thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Tư vấn lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và đánh giá thầu (Không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong xây dựng) cho các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn đánh giá dự án đầu tư; Tư vấn, khảo sát, giám sát thi công và tổ chức thi công các công trình điện dưới 35 KV; Tư vấn, khảo sát, giám sát thi công: công trình cấp thoát nước môi trường; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (gồm Cấp nước, Thoát nước, Xử lý chất thải rắn); Thiết kế xây dựng công trình giao thông (gồm: đường bộ, cầu - hầm); Thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Mua bán thương mại thép cây, thép hình và ống inox các loại;
- Các hoạt động kinh doanh khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm: kinh doanh thương mại, cung cấp dịch vụ kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:

Tên công ty con trực tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ (1)	Thành phố Hà Nội	Xây dựng	96,88%	96,88%
Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung	Cát Tiến, Gia Lai	Sản xuất điện	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Thuận Thành, Bắc Ninh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	93,61%	93,61%
Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình (2)	Đồng Hới, Quảng Trị	Sản xuất điện	96,15%	96,15%
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang (3)	Hòa An, Cần Thơ	Sản xuất điện	99,28%	99,28%
Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ môi trường Miền Bắc (4)	Long Biên, Hà Nội	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	98%	98%
Công ty TNHH Halcom (Cambodia) (5)	thành phố Phnôm Pênh	Bán buôn vật liệu, dụng cụ xây dựng	100,0%	100%

(1) Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801610432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 06/08/2018 với số vốn điều lệ là 150 tỷ đồng. Theo Nghị quyết số 31/25/NQ-HĐQT/HALCOM ngày 28/11/2025, công ty giảm vốn xuống 2.500.000.000 đ. Trong đó, Halcom sở hữu 96,88%, ông Nguyễn Tuấn Anh góp 1,56%, ông Phùng Ngọc Sơn góp 1,56%. Đến thời điểm 31/122025, các cổ đông đã góp đủ vốn.

(2) Công ty Cổ phần Điện gió Halcom -Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3101106872 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 20/09/2021 với số vốn điều lệ 130 tỷ đồng. Theo Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐQT/HALCOM ngày 27/11/2025, công ty giảm vốn xuống 2.080.000.000 đ. Trong đó, Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam góp 96,15%, ông Nguyễn Việt Dũng góp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

0,77% và ông Vũ Mạnh Tuấn góp 3,08% vốn. Đến thời điểm 31/12/2025, các cổ đông đã góp đủ vốn.

(3) Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom – Hậu Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300346708 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 08/09/2021 với số vốn điều lệ 100 tỷ đồng. Theo Quyết nghị số 34/2025/NQ-HĐQT/HALCOM ngày 10/12/2025, công ty tăng vốn lên 278 tỷ đồng. Trong đó, Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam góp 99,28%, ông Nguyễn Việt Dũng góp 0,36% và ông Phùng Ngọc Sơn góp 0,36% vốn. Đến thời điểm 31/12/2025, các cổ đông đã góp đủ vốn.

(4) Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ Môi trường Miền Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107613489 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/10/2016, đăng ký thay đổi lần thứ sáu tại ngày 21/01/2026 với số vốn điều lệ 250 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2025, tổng số vốn Công ty đã góp vào công ty là 245.000.000.000 đồng.

(5) Tại ngày 01/04/2025, Công ty đã thành lập Công ty con - Công ty TNHH Halcom (Cambodia) tại Campuchia. Công ty TNHH Halcom (Cambodia) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000486108 do Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia cấp. Địa chỉ trụ sở tại thành phố Phnôm Pênh. Đến ngày 31/12/2025 , Công ty đã góp 790.800.000 đồng vào Công ty TNHH Halcom (Cambodia).

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp tại 31/12/2025	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội	Phù Cát, Bình Định	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	00,00%	00,00%

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ liên quan tới các khoản đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết:

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 2% phần vốn góp tại Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ Môi trường Miền Bắc cho Ông Lê Minh Đức theo Hợp đồng chuyển nhượng số 930/2025/HDCNCPVG/HALCOM-LMD ngày 30/09/2025 và PLHD số 01/PLHD ngày 10/11/2025. Tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ Môi trường Miền Bắc giảm từ 100,00% xuống 98,00% kể từ ngày 30/09/2025.

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 39,42% phần vốn góp tại Công ty cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội cho ông Lê Minh Đức theo hợp đồng chuyển nhượng số 2711/2025/HDCN/HAL-LMD ngày 27/11/2025. Tỷ lệ biểu quyết của công ty tại Công ty Cổ phần nước Halcom – Nhơn Hội giảm từ 39,42% xuống 0% kể từ ngày 27/11/2025.

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện góp vốn 13,24% vào Công ty Cổ phần khoáng sản Sao Phương Bắc theo Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐQT/HALCOM ngày 28/11/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Số liệu so sánh cho Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/12/2025 là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2024 đến ngày 31/12/2024 của Công ty lập.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/12/2025.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

(i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;

(ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;

(iii) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc

(iv) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm. Bao gồm: chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí thực hiện dự án, chi phí hạ tầng dự án, … của các phần dự án chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối năm.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi

nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	*Thời gian sử dụng (năm)*
- Máy móc, thiết bị	06 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm các tài sản là các dự án xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí nhân công được ghi nhận dựa trên bảng dự toán công việc, bảng dự toán chi phí.

Chi phí lãi vay được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay, lãi suất và thời gian vay thực tế.

Các khoản chi phí khác được trích trước dựa trên Hợp đồng, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và các chứng từ khác có liên quan.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ

sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

3.15 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu/các cổ đông/các thành viên được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên phê duyệt, danh sách danh sách cổ đông/thành viên góp vốn được chốt chính thức và được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận.

3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ tư vấn,…

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, giá vốn hàng bán còn bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa được tiêu thụ; giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán riêng và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng cân đối kế toán riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công tygồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tập đoànkể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan trong năm tài chính được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025 VND	01/04/2025 VND
- Tiền mặt	-	-
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.017.829.830	4.639.080.179
Cộng	**3.017.829.830**	**4.639.080.179**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2025			01/04/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp VND
- **Đầu tư vào công ty con**	**829.196.637.547**	**(59.440.726.570)**		**750.584.357.547**	**(27.273.024.614)**	
+ *Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ*	*2.421.880.000*	*(402.397.306)*	(*)	*186.000.000.000*	*(402.397.306)*	(*)
+ *Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung*	*150.100.750.000*	*(59.038.329.264)*	(*)	*150.100.750.000*	*(26.870.627.308)*	(*)
+ *Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành*	*152.883.207.547*	-	(*)	*152.883.207.547*	-	(*)
+ *Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình*	*2.000.000.000*	-	(*)	*66.250.000.000*	-	(*)
+ *Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng công nghệ môi trường Miền Bắc*	*245.000.000.000*	-	(*)	*195.350.400.000*	-	(*)
+ *Công ty CP Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang*	*276.000.000.000*	-	(*)	-	-	(*)
+ *HALCOM (CAMBODIA) CI., LTD*	*790.800.000*	-	(*)	-	-	(*)
- **Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**	-	-	(*)	**41.000.000.000**	-	
+ *Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội*	-	-	(*)	*41.000.000.000*	-	(*)
- **Đầu tư vào đơn vị khác**	**87.619.992.656**	-		-	-	
+ *Công ty CP khoáng sản Sao Phương Bắc*	*87.619.992.656*	-	(*)	-	-	(*)
Cộng	**916.816.630.203**	**(59.440.726.570)**		**791.584.357.547**	**(27.273.024.614)**	

(*) Tại ngày 31/12/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tóm tắt tình hình các Công ty con:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	Thành phố Hà Nội	96,88%	96,88%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801610432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 06/08/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08/01/2024. Hoạt động kinh doanh chính: xây dựng. Hiện nay, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	Cát Tiến, Gia Lai	51,00%	51,00%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100656522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 13/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01/11/2023. Vốn điều lệ 294,3 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: sản xuất điện.
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Thuận Thành, Bắc Ninh	93,61%	93,61%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300307123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 12/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 20/04/2023. Vốn điều lệ 145 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	Đồng Hới, Quảng Trị	96,15%	96,15%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3101106872 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 20/09/2021, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 14/04/2025. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện. Hiện nay Công ty đang trong giai đoạn xúc tiến đầu tư dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tóm tắt tình hình các Công ty con (tiếp):

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng công nghệ môi trường Miền Bắc	Long Biên, Hà Nội	98,00%	98,00%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107613489 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/10/2016, thay đổi lần thứ 5 ngày 10/01/2025. Hoạt động kinh doanh chính: Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại.
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang	Hòa An, Cần Thơ	99,28%	99,28%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300346708 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 08/09/2021. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
Công ty TNHH Halcom (Cambodia)	thành phố Phnôm Pênh	100,00%	100,00%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000486108 do Bộ thương mại vương quốc Campuchia cấp lần đầu ngày 01/04/2025. Vốn điều lệ 750,000 USD, tương đương 19,305,000,000 VNĐ. Hoạt động kinh doanh chính: xuất nhập khẩu bán buôn hàng hóa, thiết bị.....

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/04/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	**9.460.399.020**	**(151.057.651)**	**22.555.850.676**	**(336.383.890)**
- Ông Vũ Mạnh Tuấn	-	-	3.671.300.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	-	-	324.379.674	-
- BQLDA thực hiện DA hợp phần phát triển toàn diện kinh tế xã hội đô thị Hưng Yên	1.266.967.986	-	1.266.967.986	-
- Công ty TNHH Tài chính thịnh vượng	2.705.000.000	-	297.000.000	-
- Công ty Cổ phần Alphanam E&C	-	-	170.229.247	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trịnh Diện	-	-	1.438.143.860	-
- Công ty TNHH Thương mại Tiếp vận Hải Hà	-	-	3.544.774.693	-
- Công ty Cổ phần - Trung tâm Phân tích và Môi trường	-	-	3.240.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Môi trường Việt Nam	-	-	2.775.645.609	-
- Công ty TNHH Growth Levers Việt Nam	972.000.000	-		
- Công ty TNHH Dịch vụ thương mại điện tử Matida Việt Nam	1.069.200.000	-	-	-
- BQL DA Đầu tư xây dựng chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh)	921.513.730	-	-	-
- Các đối tượng khác	2.525.717.304	(151.057.651)	5.827.409.607	(336.383.890)
Cộng	**9.460.399.020**	**(151.057.651)**	**22.555.850.676**	**(336.383.890)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/04/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	**77.932.892.956**	**-**	**44.909.043.942**	**-**
- Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam	-	-	34.865.370.363	-
- Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Xanh	100.000.000	-	7.792.486.786	-
- Ban Quản lý Dự án và giải phóng mặt bằng Khu kinh tế	-	-	1.100.000.000	-
- Công ty CP Nước Halcom - Nhơn Hội (*)	75.600.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Halcom (Cambodia)	1.354.600.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	878.292.956	-	1.151.186.793	-
Cộng	**77.932.892.956**	**-**	**44.909.043.942**	**-**

(*) Khoản ứng trước cho Công ty Cổ phần Nước Halcom Nhơn Hội theo Hợp đồng số 801/2025/HĐEPC/HAL-NNH ngày 01/08/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/04/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	**39.371.432.665**	-	**38.612.734.484**	-
- Ký cược, ký quỹ	18.000.000	-	18.000.000	-
- Tạm ứng	305.655.297	-	266.309.934	-
- Phải thu khác	39.047.777.368	-	38.328.424.550	-
+ Công ty Cổ phần An Lạc Sơn (*)	*38.282.355.957*	-	*38.282.355.957*	-
+ Các đối tượng khác	*765.421.411*	-	*46.068.593*	-
b) Dài hạn	**397.401.000**	-	**364.401.000**	-
- Ký cược, ký quỹ	397.401.000	-	364.401.000	-
Cộng	**39.768.833.665**	-	**38.977.135.484**	-

(*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần An Lạc Sơn theo Biên bản thanh lý ngày 26/3/2025 của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HĐHT/HAL-ALS ngày 14/05/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/04/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	650.598.145	-	3.525.137.737	-
+ Gói khảo sát KTXH, cam kết đấu nối nước thải Hà Đông, Sơn Tây-HD số 12/TV/HD-ST Ngày 26.12.2011	-	-	*1.003.332.851*	-
+ TVGS_Phát triển thành phố Xanh loại II - Gói thầu số 21 Tín dụng No.3590-VIE, HD số HU-CS01	-	-	*1.382.664.953*	-
- GS độc lập môi trường và TĐC - DA PT tổng hợp các đô thị động lực TP Hải Dương	*202.578.296*	-	-	-
+ Dự án Quản lý bền vững CSHT nông thôn và Khu vực đầu nguồn Cho Bộ Nông Lâm Nghiệp Lào	*122.962.788*	-		-
+ Gói thầu CF1.14: Tư vấn đánh giá sự tuân thủ về môi trường và xã hội các khu TĐC và cập nhật kế hoạch TĐC của dự án	*114.929.091*			
+ Các hợp đồng khác	*210.127.970*	-	*1.139.139.933*	-
Cộng	**650.598.145**	-	**3.525.137.737**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2025 VND	01/04/2025 VND
- DA đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước khu kinh tế Nhơn Hội (1)	202.718.278.888	87.162.278.200
- Dự án Phương Mai 3 - Resort	6.597.490.470	6.597.490.470
- Dự án ĐTXD nhà máy điện gió ngoài khơi Lệ Thủy - Quảng Bình 1	-	876.209.567
- Các dự án khác	5.228.301.368	5.492.437.682
Cộng	**214.544.070.726**	**100.128.415.919**

(1) Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội, mục tiêu: đầu tư xây dựng và kinh doanh hệ thống cấp nước ngọt với tổng công suất 50.000 m3/ngày đêm, được xây dựng theo 3 giai đoạn: Giai đoạn 1 (Quý 4/2019- Quý 4/2024): công suất 10.000m3/ngày đêm, Giai đoạn 2 (Năm 2025- Năm 2026): nâng công suất nhà máy thành 20.000m3/ngày đêm, Giai đoạn 3 (Năm 2027-Năm 2030): nâng công suất nhà máy thành 50.000m3/ngày đêm. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025 VND	01/04/2025 VND
a) Ngắn hạn	**567.950.313**	**572.273.817**
- Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	15.108.062	-
- Chi phí mua bảo hiểm	107.264.828	237.563.496
- Chi phí thuê GCN quyền sử dụng đất, thuê văn phòng	406.314.500	206.541.866
- Chi phí trả trước khác ngắn hạn	39.262.923	128.168.455
b) Dài hạn	**528.036.635**	**622.627.625**
- Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	100.675.264	-
- Chi phí xây dựng quy trình, hệ thống Công ty	378.222.228	526.222.224
- Chi phí trả trước khác	49.139.143	96.405.401
Cộng	**1.095.986.948**	**1.194.901.442**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
01/04/2025	**105.684.416**	**6.182.389.090**	**32.445.455**	**6.320.518.961**
31/12/2025	**105.684.416**	**6.182.389.090**	**32.445.455**	**6.320.518.961**
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/04/2025	**(105.684.416)**	**(4.334.552.222)**	**(32.445.455)**	**(4.472.682.093)**
- Khấu hao trong năm	-	(339.860.997)	-	(339.860.997)
31/12/2025	**(105.684.416)**	**(4.674.413.219)**	**(32.445.455)**	**(4.812.543.090)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/04/2025	**-**	**1.847.836.868**	**-**	**1.847.836.868**
31/12/2025	**-**	**1.507.975.871**	**-**	**1.507.975.871**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 1.789.038.961 đồng (tại ngày 01/04/2025 là 1.789.038.961 đồng).

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 1.507.975.871 đồng (tại ngày 01/04/2025 là 1.847.826.868 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/04/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Công nghiệp Áng Dương	-	-	268.206.202	268.206.202
- Công ty TNHH Thể Thao và Giải trí Thiên Mã	-	-	1.798.335.000	1.798.335.000
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hà Minh Anh	-	-	1.510.961.910	1.510.961.910
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Hưng Thái	54.514.096	54.514.096	54.514.096	54.514.096
- TCT đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP	21.256.401.912	21.256.401.912	-	-
- Các đối tượng khác	563.721.853	563.721.853	639.905.977	639.905.977
Cộng	**21.874.637.861**	**21.874.637.861**	**4.271.923.185**	**4.271.923.185**

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/04/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố Hà Nội	827.879.000	827.879.000	827.879.000	827.879.000
- Ban Quản lý dự án Phát triển tổng hợp các Đô thị động lực - Thành phố Hải Dương	-	-	192.810.787	192.810.787
- Công ty Cổ phần - Trung tâm phân tích và môi trường	3.240.000.000	3.240.000.000	-	-
- Bộ Nông Lâm nghiệp Lào	182.713.820	182.713.820	287.627.192	287.627.192
- Các đối tượng khác	200.000.000	200.000.000	256.738.880	256.738.880
Cộng	**4.450.592.820**	**4.450.592.820**	**1.565.055.859**	**1.565.055.859**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/04/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	3.077.507.343	2.086.118.684	2.000.316.930	3.163.309.097
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.436.226.057	9.464.176.105	1.585.578.240	9.314.823.922
- Thuế thu nhập cá nhân	214.832.305	1.723.387.138	1.627.065.269	311.154.174
- Các loại thuế khác	15.751.419	10.673.161	10.673.161	15.751.419
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	59.758.239	59.758.239	-
	4.744.317.124	**13.344.113.327**	**5.283.391.839**	**12.805.038.612**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2025		Trong năm		01/04/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	**79.496.843.131**	**79.496.843.131**	**165.133.223.318**	**185.063.463.080**	**99.427.082.893**	**99.427.082.893**
- Vay ngắn hạn	**79.496.843.131**	**79.496.843.131**	**165.133.223.318**	**182.063.463.080**	**96.427.082.893**	**96.427.082.893**
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam - CN Cầu Giấy (1)	44.505.053.848	44.505.053.848	96.737.772.153	99.659.473.510	47.426.755.205	47.426.755.205
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Tây Hồ (2	33.991.789.283	33.991.789.283	59.920.451.165	73.428.989.570	47.500.327.688	47.500.327.688
– Bà Nguyễn Hoàng Ánh (3)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	-	-	7.725.000.000	7.725.000.000	-	-
+ Ông Võ Trực Điền (4)	-	-		500.000.000	500.000.000	500.000.000
+ Bà Trần Thị Diệu	-	-	750.000.000	750.000.000	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	-	-	-	**3.000.000.000**	**3.000.000.000**	**3.000.000.000**
+ Bà Nguyễn Kiều Linh (5)	-	-		3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
b) Vay dài hạn	**141.219.249.339**	**141.219.249.339**	**65.927.856.349**	**100.000.000**	**75.391.392.990**	**75.391.392.990**
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (6)	141.219.249.339	141.219.249.339	65.927.856.349	100.000.000	75.391.392.990	75.391.392.990
Cộng	**220.716.092.470**	**220.716.092.470**	**231.061.079.667**	**185.163.463.080**	**174.818.475.883**	**174.818.475.883**

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/135099/HĐTD ngày 14/11/2024, hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 63.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ của Công ty tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ hợp đồng tín dụng cụ thể và Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/135099/HĐTD ngày 20/09/2023.
Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 258815.24.004.708626.TD ngày 04/12/2024, giá trị cấp tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 85.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Mục đích cấp tín dụng để phục vụ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị điện của Công ty. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 357983.25.004 ngày 11/12/2025, hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 85.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Mục đích cấp tín dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thiết bị điện, thiết bị ngành nước, vật liệu xây dựng. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 19/11/2026. Lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

(3) Hợp đồng vay tiền số 1612/2020/HĐVT ngày 16/12/2020 với bà Nguyễn Hoàng Ánh, tổng số tiền vay 1.000.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận được tiền, lãi suất 10%/năm từ 16/12/2020 - 19/03/2023; phụ lục hợp đồng vay số 03 điều chỉnh lãi suất lên 13%/năm từ 20/03/2023 - 15/12/2023. Phụ lục hợp đồng mới nhất số 06 gia hạn khoản vay đến 15/12/2026.

(4) Hợp đồng vay cá nhân Ông Võ Trực Điền:
Hợp đồng vay tiền số: 0612/2021/HĐVT ngày 06/12/2021 với số tiền vay 1.000.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền, lãi suất 10%/năm. Phụ lục hợp đồng gia hạn khoản vay đến 06/12/2025. Tại 31/12/2025, khoản gốc vay còn phải trả là 0 VND.

(5) Hợp đồng vay số 83/HĐVT ngày 08/03/2022 với số tiền vay 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 13,5%/năm. Phụ lục hợp đồng 02/PLHĐ mới nhất gia hạn khoản vay đến 07/03/2026. Tại ngày 31/10/2025, đã thanh toán hết khoản gốc vay.

(6) Hợp đồng cho vay từng lần số 02/2024-HĐCVDAĐT/NHCT142-HALCOM ngày 06/08/2024, hạn mức tín dụng là 184.000.000.000 VND. Thời hạn vay tối đa 132 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay được xác định vào ngày giải ngân khoản Nợ và được điều chỉnh vào ngày 25 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Trong đó:

- Giới hạn cho vay ngắn hạn là 20.000.000.000 VND với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty,
- Giới hạn cho vay dài hạn là 164.000.000.000 VND với mục đích tài trợ Dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội - Giai đoạn 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025 VND	01/04/2025 VND
- Chi phí lãi vay	1.059.472.625	35.526.316
- Các chi phí khác	745.449.649	745.449.649
Cộng	**1.804.922.274**	**780.975.965**

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025 VND	01/04/2025 VND
a) Ngắn hạn	**32.783.832.952**	**642.830.224**
- Kinh phí công đoàn	2.208.661	79.223.791
- Các khoản chi phí bảo hiểm	-	115.098.800
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Nhận ký quỹ ký cược	-	-
- Khoản phải trả ông Nguyễn Hồng Giang (*)	32.619.992.656	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	161.631.635	448.507.633
b) Dài hạn	**100.000.000.000**	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (**)	100.000.000.000	-
Cộng	**132.783.832.952**	**642.830.224**

(*) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 03/2025/HĐCN/NHG-HALCOM ngày 27/11/2025.
(**) Đây là khoản nhận góp vốn để thực hiện Hợp tác đầu tư theo Hợp đồng số 0108/2025/BCC ngày 01/08/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/04/2024	**767.650.320.000**	**536.587.297**	**(58.859.397)**	**2.040.795.104**	**13.668.087.403**	**783.836.930.407**
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	8.134.444.903	8.134.444.903
31/03/2025	**767.650.320.000**	**536.587.297**	**(58.859.397)**	**2.040.795.104**	**21.802.532.306**	**791.971.375.310**
01/04/2025	**767.650.320.000**	**536.587.297**	**(58.859.397)**	**2.040.795.104**	**21.802.532.306**	**791.971.375.310**
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	37.883.658.456	37.883.658.456
31/12/2025	**767.650.320.000**	**536.587.297**	**(58.859.397)**	**2.040.795.104**	**59.686.190.762**	**829.855.033.766**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2025 VND	01/04/2025 VND
+ Ông Nguyễn Quang Huân	204.648.720.000	204.648.720.000
+ Bà Bùi Thị Xuyến	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Bà Trần Bắc Mỹ	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Bà Vũ Thị Bích Liên	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Các cổ đông khác	443.001.600.000	443.001.600.000
Cộng	**767.650.320.000**	**767.650.320.000**

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/12/2024 VND
+ Vốn góp đầu kỳ	767.650.320.000	767.650.320.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	767.650.320.000	767.650.320.000

19.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2025 CP	01/04/2025 CP
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	76.765.032	76.765.032
+ Cổ phiếu phổ thông	76.765.032	76.765.032
Số lượng cổ phiếu được mua lại	8.711	8.711
+ Cổ phiếu phổ thông	8.711	8.711
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	76.756.321	76.756.321
+ Cổ phiếu phổ thông	76.756.321	76.756.321
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	*10.000*	*10.000*

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2025	01/04/2025
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	289,40	528,06
Euro (EUR)	233,78	241,42

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/12/2024 VND
- Doanh thu bán hàng	158.680.336.212	151.409.632.388
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	121.053.781.863	29.050.705.510
Cộng	**279.734.118.075**	**180.460.337.898**

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/12/2024 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	150.854.276.556	146.730.183.410
- Giá vốn doanh thu cung cấp dịch vụ	13.115.278.179	8.384.924.005
Cộng	**163.969.554.735**	**155.115.107.415**

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/12/2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	876.311.046	1.024.194.332
Cộng	**876.311.046**	**1.024.194.332**

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/12/2024 VND
- Chi phí lãi vay	5.124.123.346	3.909.059.516
- Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty con	32.167.701.956	4.433.210.928
- Chi phí tài chính khác	1.634.363.601	1.360.459.333
Cộng	**38.926.188.903**	**9.702.729.777**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

25. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/12/2024 VND
- Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm, khác	69.704.221	80.715.978
- Chi phí khác	3.480.741	-
Cộng	**73.184.962**	**80.715.978**

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/12/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**47.427.834.561**	**8.310.571.913**
Các khoản chi phí không được khấu trừ	**293.045.962**	**300.576.978**
- Chi phí không được trừ khi tính thuế	293.045.962	300.576.978
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	**47.720.880.523**	**8.611.148.891**
Chuyển lỗ	**-**	**(1.778.209.870)**
Tổng thu nhập tính thuế trong năm	**47.720.880.523**	**6.832.939.021**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	**9.544.176.105**	**1.366.587.804**
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**9.544.176.105**	**1.366.587.804**

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính riêng này.

28. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

28.1 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan cá nhân

Trong cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/12/2025, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, người phụ trách công bố thông tin và các thành viên thân cận trong gia đình chức trách chủ chốt được xác định là bên liên quan của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

28. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

28.1 CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Danh sách các bên liên quan tổ chức

Tên tổ chức	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	Công ty con
Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng công nghệ môi trường Miền Bắc	Công ty con
Công ty TNHH Halcom (Cambodia)	Công ty con
Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội	Công ty liên kết

28.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/12/2024 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ của bên liên quan		
Bà Vũ Thị Minh Hằng	264.239.149	202.579.583
Ông Nguyễn Tiến Hân	229.790.000	104.666.010
Bà Lê Kim Anh	1.410.819.456	1.358.906.907
	1.904.848.605	**1.666.152.500**
Bán hàng hóa, dịch vụ cho bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	416.666.664	416.666.664
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	6.211.497.000	-
	6.628.163.664	**416.666.664**
Doanh thu tài chính		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	496.742.466	163.616.438
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	-	487.207.089
- Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	-	370.807.777
	496.742.466	**1.021.631.304**
Chi phí tài chính		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	-	134.219.177
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	43.499.777	-
	43.499.777	**134.219.177**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

28. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

28.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/12/2024 VND
Đi vay		
- Bà Trần Thị Diệu	750.000.000	-
	750.000.000	-
Trả tiền vay		
- Bà Trần Thị Diệu	750.000.000	-
	750.000.000	-

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/04/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/12/2024 VND
Hội đồng quản trị		**1.885.343.316**	**1.991.164.937**
Ông Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch	1.733.500.000	1.890.363.637
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Chủ tịch	121.843.316	100.801.300
Ông Đoàn Năng Liễn	Thành viên	30.000.000	-
Ban Tổng giám đốc		**1.958.555.180**	**182.424.901**
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó TGĐ	604.863.637	182.424.901
Bà Hà Thị Thu Hương	Phó TGĐ	672.479.340	-
Ông Đỗ Tiến Anh	Phó TGĐ	681.212.203	-
Ban kiểm soát		**150.039.998**	**560.757.729**
Bà Bùi Thị Xuyến	Trưởng ban	135.000.000	45.000.000
Bà Trần Thị Minh Huệ	Thành viên	7.519.999	2.490.000
Ông Nguyễn Đức Quyết	Thành viên	7.519.999	2.490.000
Ông Phan Đăng Hoàn	Trưởng ban	-	262.138.139
Bà Trần Bắc Mỹ	Thành viên	-	106.421.772
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên	-	142.217.818
Những người quản lý khác		**2.919.793.161**	**2.513.536.301**
Tổng cộng Thu nhập của Hội đồng quản trị và những người quản lý khác		**6.913.731.655**	**5.247.883.868**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

28.3 SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	31/12/2025 VND	01/04/2025 VND
Phải thu khách hàng		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	400.000.000	119.101.370
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	-	74.326.533
	400.000.000	**193.427.903**
Phải thu khác		
- Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội	-	21.319.000
- Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	-	14.662.000
- Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang	-	14.662.000
- Công ty TNHH Đầu tư và ứng dụng công nghệ môi trường miền Bắc	250.000.007	-
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	496.742.466	
	746.742.473	**50.643.000**
Phải thu về cho vay		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	19.700.000.000	1.650.000.000
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	-	12.002.930.874
	19.700.000.000	**13.652.930.874**
Trả trước cho người bán		
- Công ty TNHH Halcom (Cambodia)	1.354.600.000	-
- Công ty CP Nước Halcom - Nhơn Hội	75.600.000.000	
	76.954.600.000	-
Phải trả khác		
- Công ty CP Điện gió Halcom - Quảng Bình	-	250.000.000
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	100.000.000.000	-
	100.000.000.000	**250.000.000**

29. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2025 của Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

Số liệu của các chỉ tiêu Quý 3 năm tài chính 2024 trên Báo cáo này là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính riêng của Quý 3 năm tài chính 2024 đã được lập bởi Công ty chúng tôi.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Tô Thị Minh	Phùng Ngọc Sơn	Nguyễn Quang Huân